TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU- NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2018/QĐST-HNGĐ	*Quỳnh Lưu, ngày 27 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 212, Điều 213; Điều 417; khoản 5 Điều 419 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:
Anh Vũ Văn N, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Xóm Thọ Phú, xã Q Th, huyện Q, tỉnh N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Chị Trần Thị L, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Xóm 8, xã SH, huyện Q, tỉnh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ văn N và chị Trần Thị L kết hôn ngày 21/6/2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q Th, huyện Q, tỉnh N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đầu năm 2018 lại nay vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, chị tự động vay tiền của dân để làm gì không trao đổi với chồng dẫn đến nợ nần. Tháng 8 năm 2018 lại nay chị tự động bỏ chồng con về bên ngoại ở không quan tâm đến chồng con. Anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn xin ly hôn vợ. Chị L nhận thấy vợ chồng thật sự không còn tình thương yêu nhau nữa nên đồng ý ly hôn với anh N. Anh N, chị L đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Vũ Văn N và chị Trần Thị L thống nhất: Vợ chồng không ai có con riêng, có 02 người con chung là Vũ Văn N1, sinh ngày 26/01/2013 và Vũ Thị Ngọc B, sinh ngày 20/01/2016. Ly hôn, anh N, chị L thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung là Vũ Văn N1, sinh ngày 26/01/2013

và Vũ Thị Ngọc B, sinh ngày 20/01/2016 cho anh Vũ Văn N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng/người con kể từ tháng 12/2018 đến khi các con đủ18 tuổi, trưởng thành. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đ-ược cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh N, chị L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Văn N và chị Trần Thị L được ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Vũ Văn N1, sinh ngày 26/01/2013 và Vũ Thị Ngọc B, sinh ngày 20/01/2016 cho anh Vũ Văn N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng/người con kể từ tháng 12/2018 đến khi các con đủ18 tuổi, trưởng thành. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đ-ược cản trở.

- Về tài sản chung: Anh N và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Vũ Văn N chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai thu tiền số: 0001856, ngày 12/12/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND H. Quỳnh Lưu;*
- *THA Quỳnh Lưu;*
- *UBND xã Q Th;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đã ký

Phan Thị Đóa